Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
VÀ CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Ngày ký: 30-10-2026 11:01:19
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 78/2026/QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5315/TTr-SGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15, quy định danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Danh mục và mức thu

Danh mục và mức thu tối đa dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi hoạt động dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Thực hiện thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ; các cơ sở giáo dục công lập phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ trên tinh thần tự nguyện để quyết định mức thu bằng văn bản; các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu không vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Quyết định này.

2. Cơ sở giáo dục công lập không được tổ chức thu, không được thỏa thuận thu các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định của Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì tổ chức triển khai Quyết định, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trong quá trình thực hiện.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện các khoản thu đúng quy định; bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các khoản thu dịch vụ tại các cơ sở giáo dục; kịp thời chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các trường hợp thu không đúng quy định.

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát mức thu, các khoản thu, để tham mưu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện các khoản thu đúng quy định; bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn; đồng thời, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện việc giám sát theo quy định pháp luật.

c) Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

3. Các cơ sở giáo dục công lập

a) Tổ chức thực hiện danh mục và mức thu dịch vụ phù hợp với đơn vị, không vượt quá mức thu quy định tại Quyết định; quản lý, sử dụng các khoản thu theo quy định của pháp luật; đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về công tác giáo dục; tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân của đơn vị và

cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ thực hiện giám sát việc thu, chi các khoản dịch vụ theo quy định.

b) Không gắn việc đăng ký dịch vụ với tuyển sinh, xếp lớp, đánh giá, khen thưởng hoặc quyền lợi học tập; không phân biệt đối xử với học sinh không tham gia dịch vụ.

c) Các khoản thu, chi phải có chứng từ đầy đủ theo quy định, được hạch toán vào hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán thu, chi hằng năm theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

2. Đối với các thỏa thuận hoặc hợp đồng về các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đã được ký kết đúng quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến hết năm học 2026-2027, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quy định khác. Kể từ năm học 2027-2028, các cơ sở giáo dục thực hiện việc thỏa thuận, ký kết và thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo danh mục quy định tại Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục

DANH MỤC VÀ MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

STT	Nội dung	Cấp học/ Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Ghi chú
1	Dịch vụ cung cấp bữa ăn (*bao gồm: chi phí thực phẩm, vật tư, chất đốt, điện nước, thuê người nấu ăn, phục vụ các bữa ăn)*	Mầm non,	Học sinh/suất ăn (*ăn sáng, ăn phụ*)	15	
			Học sinh/suất ăn (*ăn trưa*)	20	
		Tiểu học	Học sinh/suất ăn (*ăn phụ*)	8	
			Học sinh/suất ăn (*ăn trưa*)	25	
		THCS, THPT, GDTX	Học sinh/suất ăn (*ăn sáng, ăn phụ*)	20	
			Học sinh/suất ăn (*ăn trưa*)	30	
2	Dịch vụ hỗ trợ bán trú	Mầm non, Phổ thông, GDTX	Học sinh/tháng	10	
3	Học năng khiếu, làm quen với Tiếng Anh (*mầm non*); môn tự chọn Tiếng Anh, hoạt động giáo dục tin học (*lớp 1, lớp 2*); học ngoại khóa Tính toán nhanh *(ngoài nội dung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định)*	Mầm non, Tiểu học	Học sinh/tiết học	13	Các cơ sở giáo dục khi triển khai phải xây dựng chương trình chi tiết và thỏa thuận thấp hơn nếu chi phí thực tế nhỏ hơn.

4	Học ngoại khóa môn toán và môn khoa học sử dụng dạy học bằng Tiếng Anh	Tiểu học	Học sinh/tiết học	25	
5	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh bán trú nghỉ trưa tại trường	Mầm non, Tiểu học	Học sinh/tháng	100	
6	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày nghỉ, ngày hè tại trường	Mầm non	Học sinh/ngày	80	
7	Dịch vụ sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh *(tiền điện, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa, bình nóng lạnh)*	Mầm non, Phổ thông, GDTX	Học sinh/tháng	20	
8	Nước uống	Mầm non	Học sinh/tháng	15	
		Phổ thông, GDTX	Học sinh/tháng	35	
9	Sổ liên lạc điện tử	Mầm non, Phổ thông, GDTX	Học sinh/năm	70	
10	Hoạt động ngoại khóa Giáo dục STEM, STEAM	Tiểu học	Học sinh/tháng	85	
11	Dọn vệ sinh phục vụ học sinh	Phổ thông, GDTX	Học sinh/tháng	12	
12	Bảng tên học sinh	Phổ thông, GDTX	Cái	2	
13	Dịch vụ ký túc xá đối với các cơ sở giáo dục (*trừ trường nội trú, bán trú*) có tổ chức chỗ ở ký túc xá cho học sinh	THCS, THPT, GDTX	Học sinh/tháng	240	